

Bản án số: 07/2021/DS-ST

Ngày: 15/6/2021

V/v: "*Tranh chấp về chia thừa kế tài sản theo di chúc*",
Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, hủy giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI - TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tấn Đạt

2. Bà Phạm Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thụy Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải - tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Khánh Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2020/TLST-DS ngày 19/02/2020 về việc "*Tranh chấp về chia thừa kế tài sản theo di chúc*", "*hủy hợp đồng tặng cho tài sản là quyền sử dụng đất*" và "*Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị V, sinh năm: 1960 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn K, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận

2. *Bị đơn:* Ông Đoàn Văn N, sinh năm: 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T2, xã T, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Đoàn Thị Thu H, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: phường M, TP. Phan Rang Tháp Chàm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/02/2020, trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị V trình bày: Trong thời kỳ sống chung với nhau, bà và ông Đoàn Văn H có hai người con chung là Đoàn Văn N, sinh năm 1982 và Đoàn Thị Thu H, sinh năm 1984. Vợ chồng có tạo lập một căn nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất số 275A, tờ bản đồ số 02, khu phố C, thị trấn K, huyện Ninh Hải, diện tích 766m² được Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 16230 ngày 18/9/2000. Nguồn gốc đất do nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Trương

K vào năm 1998. Ngày 10/12/2008 vợ chồng bà lập hợp đồng tặng cho con gái Đoàn Thị Thu H diện tích 358,5m². Ngày 12/5/2010, ông Đoàn Văn H chết. Trước khi chết, ông H lập bản di chúc ngày 23/3/2010 có nội dung để lại toàn bộ tài sản của ông H cho bà được quyền sở hữu. Năm 2018, bà được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Ninh Thuận cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM637710 ngày 16/3/2018, thửa đất số 289, tờ bản đồ số 11, diện tích 404m², khu phố Cà Đú, thị trấn Khánh Hải, huyện Ninh Hải. Vào cuối năm 2019, gia đình họp lại để phân chia tài sản trên thì ông Đoàn Văn N không đồng ý và đòi chiếm hữu toàn bộ căn nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất số 289.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà hưởng thừa kế theo di chúc lập ngày 23/3/2010 đối với phần di sản mà ông Đoàn Văn H chết để lại là căn nhà cấp 4 gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 289, tờ bản đồ số 11, khu phố C, thị trấn K, huyện Ninh Hải. Bà không đồng ý yêu cầu của ông N về việc hủy hợp đồng tặng cho, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Đoàn Thị Thu H, bà Nguyễn Thị T.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Đoàn Văn N trình bày:

Ông thừa nhận nguyên đơn trình bày về thời điểm ông H chết và di sản ông H để lại là đúng. Tuy nhiên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V vì ông muốn được giữ lại tài sản trên làm nơi thờ cúng cho ông H, không ai được tranh chấp hoặc mua bán. Ông không đồng ý bản di chúc do ông Đoàn Văn H lập ngày 23/3/2010 vì ông H lập di chúc trong tình trạng không nhận thức được mọi việc, không làm chủ được bản thân, đầu óc không tỉnh táo.

Ngày 08/7/2020 ông N có yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà V, ông H, bà H lập ngày 10/12/2008 và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Đoàn Thị Thu H được Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hải cấp ngày 15/01/2009, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị T được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 16/10/2017. Ông không đồng ý với biên bản định giá của Tòa án lập ngày 07/01/2021 và ông yêu cầu Tòa án định giá lại.

- Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị Thu H trình bày: Bà H thừa nhận nguyên đơn trình bày thời điểm ông H chết, về quan hệ huyết thống và di sản ông H để lại như trên là đúng. Năm 2008, cha mẹ bà tặng cho bà diện tích 358,5m². Năm 2017 vợ chồng bà đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích trên cho bà Nguyễn Thị T, hiện nay bà T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Vì đây là tài sản của cha mẹ tạo lập khi ông H còn sống, bà và ông N không đóng góp công sức gì nên bà yêu cầu tòa án công nhận phần di sản mà ông H để lại cho bà V theo di chúc đã lập ngày 23/3/2010. Bà không đồng ý yêu cầu của ông N về việc hủy hợp đồng tặng cho, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà, bà Nguyễn Thị T.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị V không thay đổi yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được nội dung vụ án.

Ngày 23/12/2020 và tại phiên tòa ông Đoàn Văn N xin rút lại yêu cầu về hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Đoàn Thị Thu H, bà Nguyễn Thị T.

Theo biên bản định giá tài sản lập ngày 07/01/2021 thể hiện:

- Thửa đất số 289, tờ bản đồ số 11 có trị giá 808.000.000 đồng.
- Căn nhà cấp 4B gắn liền thửa đất số 289 có trị giá 120.500.000 đồng.
- Tài sản và công trình khác trên đất có trị giá: 44.035.500 đồng.

Tổng trị giá tài sản: 972.535.500 đồng.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải thể hiện:

- Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định tại điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn.

- Về án phí và các chi phí tố tụng khác: Đề nghị HĐXX buộc các đương sự phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm và các chi phí khác theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về thời hiệu khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định “...*Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, ..., kể từ thời điểm mở thừa kế...*”. Ông Đoàn Văn H chết ngày 12/5/2010 tính đến ngày 19/02/2020 bà Nguyễn Thị V nộp đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu chia di sản của ông Đoàn Văn H để lại vẫn còn trong thời hạn quy định nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn. Tài sản tranh chấp và nguyên đơn, bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Ninh Hải. Căn cứ khoản 5, khoản 9 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), HĐXX xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp về chia thừa kế tài sản theo di chúc*”, “*Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất*” và “*Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải.

Tại phiên tòa, ông Đoàn Văn N (ông N) đề nghị triệu tập thêm người làm chứng ông Nguyễn N. Xét, ông Nguyễn N đã có lời khai tại Bút lục số 97 nên Hội đồng thấy không cần thiết, không chấp nhận yêu cầu của ông N.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận: ông Đoàn Văn H chết vào ngày 12/5/2010, ông và bà Nguyễn Thị V (bà V) không có con riêng, con nuôi nào khác, cha mẹ ruột của ông H đã chết cách đây 20 năm. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự 2015 hàng thừa kế thứ nhất của ông Đoàn Văn H còn sống tới thời điểm mở thừa kế là bà Nguyễn Thị V, ông Đoàn Văn N, bà Đoàn Thị Thu H (bà H).

[3] Về nguồn gốc di sản: Căn cứ theo lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn người liên quan và theo các tài liệu, chứng cứ các đương sự cung cấp thể hiện: thửa đất số 289, tờ bản đồ số 11 diện tích 404m² có nguồn gốc vào năm 1998 vợ chồng bà V, ông Đoàn Văn H nhận chuyển nhượng của ông Trương K. Năm 2000 vợ chồng bà V được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cũng trong năm 2000, vợ chồng bà V xây nhà cấp 4 có diện tích 100m² trên thửa đất nhận chuyển nhượng. Năm 2008, vợ chồng bà V lập hợp đồng tặng cho bà H diện tích 358,5m². Năm 2017, bà H đã chuyển nhượng diện tích 358,5m² cho bà Nguyễn Thị T ở Khu phố KC1, thị trấn K, huyện Ninh Hải và đã được Sở tài nguyên và môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 16/3/2018, Sở tài nguyên và môi trường cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà V diện tích 404m², thuộc thửa đất số 289, tờ bản đồ số 11 khu phố C, thị trấn K, huyện Ninh Hải. Nguồn tiền tạo lập tài sản có được từ công sức của vợ chồng bà V, ông H.

Tại phiên tòa, ông N cho rằng nguồn tiền nhận chuyển nhượng đất có một phần đóng góp của ông nhưng ông không đưa ra được chứng cứ. Do vậy hội đồng xác định đây là tài sản chung của vợ chồng bà V, ông H tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Ông N, bà H không đóng góp công sức gì vì vào thời điểm năm 1998 hai anh chị vẫn còn sống phụ thuộc cha mẹ.

[3.1] Xét di chúc lập ngày 23/3/2010 của ông Đoàn Văn H:

Về hình thức của di chúc: Di chúc của ông H được lập thành văn bản, có chứng thực tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện Ninh Hải. Bà Trần Thị Thanh T là người viết giúp.

Theo lời khai của bà V, bà H trình bày: Ông Đoàn Văn H bị bệnh tai biến vào năm 2006. Hồ sơ bệnh án thể hiện tình trạng ông H tại thời điểm ra viện của bệnh viện 30/4: tỉnh, tiếp xúc khó, liệt cứng tứ chi, không còn cơn gồng cứng. Gia đình tiếp tục điều trị cho ông H tại Bệnh viện phục hồi chức năng tỉnh Ninh Thuận trong thời hạn 01 năm. Ông H đã dần biết mọi thứ nhưng việc đi lại còn khó khăn. Tại các biên bản lấy lời khai của bà V cho biết: “Người trực tiếp chăm sóc cho ông H là bà và con gái, còn ông N chỉ thỉnh thoảng 2-3 tháng mới về thăm nhà một lần, cũng chưa lần nào ông N tắm rửa cho ông H”. Tại bản lấy lời khai ngày 02/6/2020 và tại phiên tòa ông N cho biết “Bà V là người trực tiếp chăm sóc cho ông H, còn ông và em gái chỉ hỗ trợ về tiền bạc. Ông chỉ thỉnh thoảng về thăm ông H vì ông phải ở tập thể nên không thể về nhà. Tình trạng này kéo dài cho đến khi ông H chết”. Ngoài ra lời khai của ông Trương L, Trương Văn T đều xác nhận: dù không đi lại được nhưng đầu óc ông H vẫn còn tỉnh táo, còn ông N thỉnh thoảng 2-3 tháng mới về thăm nhà một lần, mỗi lần về chỉ ở lại khoảng 30 phút rồi đi. Tại biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn N và bà Trần Thị Thanh T cho biết: tại thời điểm lập di chúc ông H vẫn minh mẫn, tỉnh táo, vẫn trò chuyện bình thường. Việc lập di chúc của ông H tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Như vậy, qua lời khai của những người làm chứng, hội đồng xét xử nhận định Khoảng hai đến ba tháng ông N mới về thăm nhà một lần, mỗi lần chỉ tầm 30 phút khi ông H được điều trị tại nhà. Người trực tiếp chăm sóc chính cho ông H vào thời gian bị bệnh là bà V. Tại thời điểm lập di chúc đầu óc ông H vẫn tỉnh táo, minh mẫn, khi lập di chúc không bị ai ép buộc nên Hội đồng công nhận hình thức của di chúc

ngày 23/3/2010 của ông Đoàn Văn H viết phù hợp theo quy định tại khoản 3 điều 630, điều 635 Bộ luật dân sự.

[3.2] Nội dung di chúc thể hiện như sau: “Sau khi tôi qua đời 50% quyền sở hữu của cá nhân tôi trong khối tài sản chung của vợ chồng sẽ giao lại cho vợ tôi là Nguyễn Thị V toàn quyền quyết định. Lý do trong lúc tôi ốm đau vợ tôi là người đã chăm sóc động viên tôi. Bản di chúc này được lập thành trong tinh thần sáng suốt và hoàn toàn tự nguyện của tôi”. Như đã phân tích tại mục [3], tài sản là căn nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất số 289, tờ bản đồ số 11 khu phố C, thị trấn Khánh Hải có tổng trị giá: 972.535.500 đồng là tài sản chung của ông H, bà V tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Như vậy ông H được quyền sở hữu $\frac{1}{2}$ trị giá tài sản trong khối tài sản chung. Ông H đã định đoạt phần quyền sở hữu của ông trị giá 486.267.750 đồng là không vi phạm pháp luật. Việc lập di chúc của ông H về nội dung phù hợp theo quy định tại điều 631 Bộ luật dân sự.

Từ các phân tích trên, Hội đồng chấp nhận yêu cầu của bà V về việc công nhận di chúc của ông Đoàn Văn H lập ngày 23/3/2010.

[4] Tại phiên tòa ông N xin rút yêu cầu về việc hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Hội đồng đình chỉ yêu cầu này.

[5] Ông N có yêu cầu định giá lại vì không đồng ý đơn giá của hội đồng lập ngày 07/01/2021 nhưng ông N không nộp tạm ứng chi phí định giá nên Hội đồng không xem xét yêu cầu này của ông N

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những phân tích của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về chi phí thẩm định, định giá và chi phí trích lục: Bà V tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định định giá trích lục số tiền 2.400.000 đồng. Bà V không yêu cầu ông N phải hoàn trả. Bà Vân đã nộp đủ chi phí định giá, trích lục

[7] Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 18 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị V được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Đoàn Văn N số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 5, khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 157; Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 624; Điều 625; Điều 627; Điều 630; Điều 631; Điều 635 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V về việc chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất theo di chúc của ông Đoàn Văn H lập ngày 23/3/2010.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Đoàn Văn N về việc yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Đoàn Văn N có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

3. Chia cho bà Nguyễn Thị V được quyền quản lý, sử dụng lô đất ký hiệu AGCB có diện tích 202m² thuộc thửa 722 (tách ra từ thửa 289) tờ bản đồ số 11, khu phố C, thị trấn Khánh Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

Bà Nguyễn Thị V có quyền, nghĩa vụ đăng ký, kê khai sự thay đổi, biến động đối với thửa đất số 289, tờ bản đồ số 11 khu phố C, thị trấn Khánh Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị V được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Đoàn Văn N số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0021499 ngày 10/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Hải.

(Kèm theo trích lục bản đồ địa chính ngày 28/5/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận, Chi nhánh Ninh Hải).

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận
- VKSND huyện Ninh Hải;
- Chi Cục THADS huyện Ninh Hải;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hằng

